TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Bùi Thị Nhàn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị T; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn H vào ngày 27 tháng 8 năm 1984 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn bà và ông H về chung sống tại thôn T, xã Đ, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải

Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng bất đồng về quan điểm sống, ông H không chịu lao động, mỗi khi mâu thuẫn xảy ra ông H còn đánh chửi vợ, con. Thời gian đầu khi mâu thuẫn mới xảy ra bà đã về nhà mẹ đẻ ở hai năm nhưng do con chung còn nhỏ, gia đình động viên nên bà lại quay về nhà chung sống với ông H. Nhưng cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vì vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn và đến năm 2000 thì bà và ông H sống ly thân, tuy sống chung một nhà nhưng bà và ông H không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn H có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1985, Nguyễn Văn H, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1987 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1993. Ly hôn các con chung đã trưởng thành nên bà để con tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa, xử cho bà Bùi Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn H. Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị T khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn H, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn H hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn H H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất

khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 8 năm 1984, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và hiện tại đã ly thân, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Văn H có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1985, Nguyễn Văn H, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1987 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1993. Hiện tại các con chung đã đủ 18 tuổi nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị T có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, ông Nguyễn Văn H không có quan điểm về tài sản nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Bùi Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Bùi

Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004510 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã Đ;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên